SAO Y; Văn phòng Ủy ban nhân dân; Thời gian ký: 08/08/2025 16:04:52 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 487 /QĐ-UBND	*Thái Nguyên, ngày 08 tháng 8 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt tổng số hộ thuộc các đối tượng thực hiện xoá nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn 37 xã, phường khu vực phía Bắc của tỉnh Thái Nguyên năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Quyết định số 38-QĐ/TU ngày 03/7/2025 của Tỉnh ủy Thái Nguyên thành lập Ban Chỉ đạo triển khai xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Thông báo số 02-TB/BCĐ ngày 04/7/2025 của Ban Chỉ đạo triển khai xóa nhà tạm, nhà dột nát tỉnh Thái Nguyên về kết luận của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng ban chỉ đạo triển khai xóa nhà tạm, nhà dột nát tỉnh Thái Nguyên tại cuộc họp Ban Chỉ đạo triển khai xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Báo cáo kết quả rà soát số liệu nhà tạm, nhà dột nát và quyết định phê duyệt danh sách chi tiết các hộ xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn của Ủy ban nhân dân các xã, phường khu vực phía Bắc của tỉnh Thái Nguyên;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo tại Tờ trình số 383/TTr-SDTTG ngày 04/8/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt tổng số hộ thuộc các đối tượng thực hiện xoá nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn 37 xã, phường khu vực phía Bắc của tỉnh Thái Nguyên năm 2025 gồm **4.744 hộ**. Trong đó:

1. Làm mới: **3.941 hộ**, gồm:

- Đối tượng theo Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 127 hộ.
- Đối tượng theo Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi: 1.409 hộ.
- Đối tượng gia đình nạn nhân chất độc da cam: 02 hộ.
- Đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo còn lại *(ngoài 3 đối tượng trên):* 2.403 hộ.

2. Sửa chữa: **803 hộ**, gồm:

- Đối tượng theo Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 21 hộ.
- Đối tượng theo Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi: 0 hộ.
- Đối tượng gia đình nạn nhân chất độc da cam: 0 hộ.
- Đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo còn lại *(ngoài 3 đối tượng trên):* 782 hộ.

(có biểu phụ lục chi tiết kèm theo Quyết định)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ số liệu, đối tượng được phê duyệt tại Điều 1, Ủy ban nhân dân các xã, phường khu vực phía Bắc của tỉnh Thái Nguyên tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở cho các đối tượng trên địa bàn quản lý theo đúng quy định, đúng đối tượng, không để xảy ra sai sót, thất thoát, lãng phí, tiêu cực.

2. Giao Sở Dân tộc và Tôn giáo - Cơ quan giúp việc Ban Chỉ đạo triển khai xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan tham mưu, chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra và giám sát việc triển khai thực hiện, bảo đảm đạt mục tiêu, hiệu quả và đúng quy định.

3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định của UBND tỉnh Bắc Kạn (cũ): Quyết định số 407/QĐ-UBND ngày 17/3/2025 phê duyệt tổng số hộ thuộc các đối tượng thực hiện xoá nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn năm 2025; Quyết định số 1349/QĐ-UBND ngày 20/6/2025 phê duyệt điều chỉnh, bổ sung tổng số hộ thuộc các đối tượng thực hiện xoá nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn năm 2025.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường khu vực phía Bắc của tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT, TH, CNN&XD, KGVX.

Minh Hồng.QĐ/T8/2025

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Phạm Hoàng Sơn

Phụ lục

TỔNG HỢP SỐ HỘ THUỘC CÁC ĐỐI TƯỢNG THỰC HIỆN XOÁ NHÀ TẠM, NHÀ DỘT NÁT TRÊN ĐỊA BÀN 37 XÃ, PHƯỜNG KHU VỰC PHÍA BẮC CỦA TỈNH THÁI NGUYÊN NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 481 /QĐ-UBND ngày 08/8/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

STT	Đơn vị	Tổng số	Trong đó:		Cụ thể các đối tượng											
			Làm mới	Sửa chữa	(1) Đối tượng hộ nghèo, cận nghèo ngoài các đối tượng (2), (3), (4)			(2) Hỗ trợ theo Chương trình MTQG PTKTXHVĐBDTTS và miền núi			(3) Hỗ trợ theo Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững			(4) Đối tượng gia đình nạn nhân chất độc da cam		
					Tổng	Làm mới	Sửa chữa	Tổng	Làm mới	Sửa chữa	Tổng	Làm mới	Sửa chữa	Tổng	Làm mới	Sửa chữa
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
	TỔNG CỘNG	**4.744**	**3.941**	**803**	**3.185**	**2.403**	**782**	**1.409**	**1.409**		**148**	**127**	**21**	**2**	**2**	
1	Phường Đức Xuân	**13**	11	2	**13**	11	2									
2	Phường Bắc Kạn	**32**	27	5	**32**	27	5									
3	Xã Phong Quang	**66**	51	15	**59**	44	15	**7**	7							
4	Xã Ngân Sơn	**59**	49	10	**38**	28	10	**10**	10		**11**	11				
5	Xã Bằng Vân	**21**	21		**8**	**8**		**7**	7		**6**	6				
6	Xã Nà Phặc	**225**	185	40	**155**	120	35	**41**	41		**29**	24	5			
7	Xã Hiệp Lực	**154**	129	25	**67**	43	24	**60**	60		**27**	26	1			
8	Xã Thượng Quan	**57**	51	6	**21**	20	1	**11**	11		**25**	20	5			
9	Xã Bằng Thành	**327**	308	19	**145**	136	9	**157**	157		**25**	15	10			
10	Xã Nghiên Loan	**292**	291	1	**160**	159	1	**118**	118		**14**	14				
11	Xã Cao Minh	**416**	414	2	**169**	167	2	**236**	236		**11**	11				
12	Xã Văn Lang	**126**	108	18	**54**	36	18	**72**	72							
13	Xã Cường Lợi	**100**	75	25	77	52	25	**23**	23							
14	Xã Na Rì	**135**	109	26	**58**	32	26	**77**	77							

STT	Đơn vị	Tổng số	Trong đó:		Cụ thể các đối tượng											
			Làm mới	Sửa chữa	(1) Đối tượng hộ nghèo, cận nghèo ngoài các đối tượng (2), (3), (4)			(2) Hỗ trợ theo Chương trình MTQG PTKTXHVĐBDTTS và miền núi			(3) Hỗ trợ theo Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững			(4) Đối tượng gia đình nạn nhân chất độc da cam		
					Tổng	Làm mới	Sửa chữa	Tổng	Làm mới	Sửa chữa	Tổng	Làm mới	Sửa chữa	Tổng	Làm mới	Sửa chữa
15	Xã Trần Phú	**90**	62	28	**60**	32	28	**28**	28					2	2	
16	Xã Côn Minh	**78**	63	15	**39**	24	15	**39**	39							
17	Xã Xuân Dương	**141**	118	23	**54**	31	23	**87**	87							
18	Xã Chợ Đồn	**76**	65	11	**74**	63	11	**2**	2							
19	Xã Yên Phong	**106**	65	41	**95**	54	41	**11**	11							
20	Xã Nghĩa Tá	**154**	96	58	**148**	90	58	**6**	6							
21	Xã Yên Thịnh	**47**	33	14	**40**	26	14	**7**	7							
22	Xã Quảng Bạch	**62**	36	26	**59**	33	26	**3**	3							
23	Xã Nam Cường	**185**	150	35	**180**	145	35	**5**	5							
24	Xã Phủ Thông	**75**	55	20	**68**	48	20	**7**	7							
25	Xã Vĩnh Thông	**42**	29	13	**37**	24	13	**5**	5							
26	Xã Cẩm Giàng	**97**	93	4	**73**	69	4	**24**	24							
27	Xã Bạch Thông	**64**	59	5	**58**	53	5	**6**	6							
28	Xã Ba Bể	**173**	150	23	**145**	122	23	**28**	28							
29	Xã Chợ Rã	**124**	105	19	**108**	89	19	**16**	16							
30	Xã Đồng Phúc	**191**	111	80	**131**	51	80	**60**	60							
31	Xã Thượng Minh	**275**	252	23	**212**	189	23	**63**	63							
32	Xã Phúc Lộc	**191**	144	47	**116**	69	47	**75**	75							

STT	Đơn vị	Tổng số	Trong đó:		Cụ thể các đối tượng											
			Làm mới	Sửa chữa	(1) Đối tượng hộ nghèo, cận nghèo ngoài các đối tượng (2), (3), (4)			(2) Hỗ trợ theo Chương trình MTQG PTKTXHVĐBDTTS và miền núi			(3) Hỗ trợ theo Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững			(4) Đối tượng gia đình nạn nhân chất độc da cam		
					Tổng	Làm mới	Sửa chữa	Tổng	Làm mới	Sửa chữa	Tổng	Làm mới	Sửa chữa	Tổng	Làm mới	Sửa chữa
33	Xã Tân Kỳ	**154**	120	34	**116**	82	34	**38**	38							
34	Xã Thanh Mai	**139**	125	14	**116**	102	14	**23**	23							
35	Xã Thanh Thịnh	**54**	36	18	**34**	16	18	**20**	20							
36	Xã Chợ Mới	**82**	57	25	**78**	53	25	**4**	4							
37	Xã Yên Bình	**121**	88	33	**88**	55	33	**33**	33							